

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Tuyến đường trục Đông – Tây nối dài kết nối với đường đi Becamex VSIP Bình Định của UBND thị xã An Nhơn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 2393/STNMT-CCBVMT ngày 19/07/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án dự án Tuyến đường trục Đông – Tây nối dài kết nối với đường đi Becamex VSIP Bình Định;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Tuyến đường trục Đông – Tây nối dài kết nối với đường đi Becamex VSIP Bình Định đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 1311/UBND ngày 30/8/2023 của UBND thị xã An Nhơn;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1102/TTr-STNMT ngày 13/9/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Tuyến đường trục Đông – Tây nối dài kết nối với đường đi Becamex VSIP Bình Định (sau đây gọi là Dự án) của UBND thị xã An Nhơn (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện xã Nhơn Thọ và xã Nhơn Tân, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND thị xã An Nhơn;
- UBND xã Nhơn Thọ;
- UBND xã Nhơn Tân;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K10.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
TUYẾN ĐƯỜNG TRỰC ĐÔNG – TÂY NỐI DÀI KẾT NỐI
VỚI ĐƯỜNG ĐI BECAMEX VSIP BÌNH ĐỊNH
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Tuyến đường trực Đông – Tây nối dài kết nối với đường đi Becamex VSIP Bình Định.

- Địa điểm thực hiện: xã Nhơn Thọ và xã Nhơn Tân, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Chủ dự án: UBND thị xã An Nhơn.

- Địa chỉ liên hệ: Số 78 Lê Hồng Phong, phường Bình Định, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án

- Phạm vi: Điểm đầu tại cổng chào thôn Thọ Lộc 2, điểm cuối giáp với đường đi Becamex VSIP Bình Định.

- Quy mô: đầu tư xây dựng tuyến đường theo Tiêu chuẩn thiết kế đường ô tô TCVN 4054-2005, đường cấp V đồng bằng, với các thông số chủ yếu như sau:

+ Chiều dài tuyến 4.686,19 m.

+ Vận tốc thiết kế $V= 40$ km/h.

+ Bề rộng nền đường Bnền (8÷14)m.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án

1.3.1. Các hạng mục công trình chính của dự án: San nền, đường giao thông, hệ thống thoát nước mưa, công trình an toàn giao thông.

1.3.2. Các hạng mục công trình phụ trợ của dự án: Bãi chứa nguyên vật liệu với diện tích khoảng $200m^2$, bãi thải của dự án diện tích khoảng $3.500m^2$.

1.3.3. Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường: 01 nhà vệ sinh di động; các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại có dán nhãn.

1.4. Yếu tố nhạy cảm về môi trường: Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa với diện tích khoảng $19.100 m^2$.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

Quá trình thi công xây dựng: phát sinh nước thải sinh hoạt và xây dựng, nước mưa chảy tràn cuốn theo bùn, đất, chất thải rắn, chất thải nguy hại, tiếng

ồn, bụi và khí thải từ các thiết bị thi công, nguy cơ ô nhiễm nguồn nước tại khu vực, hư hỏng tuyến đường trong quá trình vận chuyển nguyên vật liệu, nguy cơ mất an toàn giao thông, ảnh hưởng đến việc thoát nước khu vực xung quanh,...

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh

3.1. Nước thải, khí thải

- Nước mưa chảy tràn có lẫn bùn, đất.
- Nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng $0,9 \text{ m}^3/\text{ngày}$, có hàm lượng các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD, COD) và vi sinh,...
- Khí thải, bụi phát sinh từ quá trình thi công, vận chuyển nguyên vật liệu.

3.2. Chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

3.2.1. Chất thải rắn thông thường

- Hoạt động phát quang, dọn dẹp mặt bằng phát sinh lượng sinh khối khoảng 450 kg.
- Hoạt động bóc phong hóa phát sinh khoảng $2.437,59 \text{ m}^3$.
- Hoạt động tháo dỡ công trình hiện hữu phát sinh khoảng $730,7 \text{ m}^3$ xà bần.
- Chất thải rắn sinh hoạt (bao bì nhựa, vỏ hộp, thức ăn thừa,...) phát sinh khoảng 15 kg/ngày, có tỷ lệ chất hữu cơ cao, dễ phân hủy; gây mùi hôi và ruồi, nhặng.

3.2.2. Chất thải nguy hại

Hoạt động thi công xây dựng của dự án có phát sinh chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát (giẻ lau dính dầu thải, bóng đèn huỳnh quang hỏng,...) với khối lượng khoảng 70 kg trong suốt thời gian thi công.

3.3. Tiếng ồn và độ rung: phát sinh trong quá trình thi công xây dựng, vận chuyển nguyên vật liệu.

3.4. Các tác động khác không liên quan đến chất thải: tác động từ việc chiếm dụng đất; hoạt động thi công gây nguy cơ hư hỏng tuyến đường trong quá trình vận chuyển nguyên vật liệu, nguy cơ ngập úng cục bộ, mất an toàn giao thông,...

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, bụi, khí thải

4.1.1. Về xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt: bố trí 01 nhà vệ sinh di động tại khu vực lán trại của công trường để thu gom nước thải sinh hoạt; thuê đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định. Ngoài ra, thuê nhà vệ sinh của hộ dân gần dự án để sử dụng.

- Nước thải vệ sinh dụng cụ thi công: lắng cặn, tái sử dụng cho hoạt động xây dựng.

- Nước mưa chảy tràn có lẫn bùn, đất: bố trí các rãnh thu gom nước mưa trong khu vực thi công; thường xuyên nạo vét các rãnh thoát nước để không gây ngập úng.

4.1.2. Về xử lý bụi, khí thải

- Thường xuyên phun nước giảm thiểu bụi tại các khu vực phát sinh bụi với tần suất 02 lần/ngày và tăng cường vào mùa nắng.

- Đối với phương tiện vận chuyển đúng tải trọng cho phép, phủ bạt kín không để rơi vãi đất, cát ra đường.

- Đối với các bãi chứa nguyên vật liệu: sử dụng bạt che chắn xung quanh bãi chứa đảm bảo không cho phát tán bụi ra môi trường.

- Bố trí công nhân vệ sinh đất, cát rơi vãi trên đường (nếu có) và tại các tuyến đường phục vụ thi công.

4.2. Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- Bố trí thùng lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt đặt tại công trường thi công để thu gom theo đúng quy định.

- Bãi thải: khối lượng đồ thải 3.168,29 m³, thành phần gồm đất bóc phong hóa và xà bần, được vận chuyển đồ thải tại thửa đất thuộc tờ bản đồ số 11, thôn Thọ Lộc 2, xã Nhơn Thọ, thị xã An Nhơn, diện tích khoảng 3.500 m², chiều cao đồ thải khoảng 1 m.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

Tại công trường thi công, bố trí các thùng lưu chứa chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp phải kiểm soát có dán nhãn, lưu chứa và hợp đồng xử lý theo quy định.

4.3. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung

Sử dụng các thiết bị công được đăng kiểm, hạn chế sử dụng nhiều thiết bị phát sinh tiếng ồn lớn cùng một thời điểm.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Phương án giảm thiểu tác động do hoạt động chiếm dụng đất lúa

- Phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, ổn định sinh kế theo quy định cho các hộ dân chịu tác động do hoạt động chuyển đổi mục đích sử dụng đất đối với khoảng 19.100 m² đất lúa bị chiếm dụng vĩnh viễn. Dự án chỉ được phép triển khai sau khi hoàn thành công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo quy định.

- Đối với khu vực chiếm dụng đất lúa tạm thời 200m² bố trí bãi tập kết vật liệu, lán trại: sau khi kết thúc Dự án, tiến hành dọn dẹp mặt bằng, san gạt lớp đất

mặt tạo bề mặt bằng phẳng trước khi bàn giao lại cho người dân, địa phương.

4.4.2. Biện pháp giảm thiểu tác động tới hoạt động giao thông

- Xây dựng phương án tổ chức thi công, phân luồng giao thông đảm bảo trong quá trình thi công.

- Lắp đặt biển cảnh báo, biển chỉ dẫn và thông báo về hoạt động thi công của dự án để người tham gia giao thông và người dân xung quanh được biết.

4.5. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

4.5.1. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

Tuân thủ đúng theo phương án thiết kế kỹ thuật đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, kiểm tra và nghiệm thu các công trình; khắc phục ngay khi phát hiện sự cố.

4.5.2. Phòng ngừa, giải thiểu và ứng phó sự cố cháy, nổ

Lập phương án chữa cháy, thoát nạn trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định; xây dựng nội quy công trường và các biện pháp phòng cháy, chữa cháy; lắp đặt biển báo cấm lửa tại các khu vực dễ gây ra cháy nổ; thông báo ngay cho cơ quan chức năng và chính quyền địa phương để có biện pháp phối hợp xử lý kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố.

4.5.3. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động

Xây dựng nội quy làm việc tại công trường và tuyên truyền, phổ biến cho công nhân, đặc biệt là biện pháp bảo đảm an toàn thi công trong mùa mưa lũ; tuân thủ tuyệt đối các nội quy về an toàn lao động và thường xuyên kiểm tra công tác bảo hộ lao động tại công trường.

4.5.4. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố ngập úng

Thi công hoàn thành các hạng mục đắp đất nền trước mùa mưa; thường xuyên kiểm tra, khơi thông các dòng chảy, thông tắc các cống rãnh thoát nước xung quanh công trường thi công đảm bảo không gây ứ đọng, ngập úng.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ Dự án trong giai đoạn thi công xây dựng

5.1. Giám sát môi trường không khí xung quanh

- Vị trí giám sát: 03 vị trí.

+ 01 Khu dân cư đầu tuyến (tọa độ X: 1.531.917; Y: 586.881).

+ 01 Khu dân cư giữa tuyến (tọa độ X: 1.530.511; Y: 586.517).

+ 01 Khu dân cư cuối tuyến (tọa độ X: 1.530.124; Y: 583.547).

- Thông số giám sát: bụi lơ lửng, tiếng ồn, độ rung.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT, QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 27:2010/BTNMT.

- Tần suất quan trắc: 03 tháng/01 lần.

5.2. Giám sát chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại

- Thường xuyên theo dõi, giám sát thành phần, số lượng của chất thải rắn và chất thải nguy hại phát sinh.

- Quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại theo các quy định hiện hành tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định về quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại có hiệu lực tại thời điểm giám sát.

6. Các yêu cầu khác có liên quan đến môi trường

- Khoanh định ranh giới của Dự án và chỉ được triển khai thực hiện Dự án sau khi được cấp có thẩm quyền cho phép chuyển đổi mục đích sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất theo đúng các quy định pháp luật hiện hành.

- Thiết lập hệ thống biển báo, cấm mốc giới các địa bàn thi công và thông tin cho chính quyền địa phương có liên quan biết trước khi tiến hành hoạt động thi công, xây dựng Dự án.

- Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình thẩm định, phê duyệt thiết kế và thi công xây dựng các hạng mục công trình của Dự án.

- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý và tổ chức thi công phù hợp, đảm bảo không làm hư hỏng hệ thống đường giao thông khu vực và hạn chế tối đa các tác động bất lợi đến cảnh quan, môi trường, hoạt động giao thông và các hoạt động kinh tế dân sinh khác trên khu vực thực hiện Dự án.

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung phát sinh bởi Dự án, đảm bảo môi trường xung quanh khu vực Dự án trong các giai đoạn của Dự án luôn đáp ứng tiêu chuẩn tại QCVN 05:2013/ BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn hiện hành khác về bảo vệ môi trường.